

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày: 22 - 03 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH**

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn T
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị H1; Ông Đinh Văn Tân.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022HSST- QĐ, ngày 09/3/2022 đối với bị cáo:

Trương Thị D; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/8/2001; tại: Xã TM, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn PP, xã TM, huyện TT, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn H, sinh năm: 1978; con bà Bùi Thị Th, sinh năm 1980; Bị cáo có 01 con: Trương Bảo U, sinh năm: 2019; Tiền án: Không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/12/2021 đến ngày 18/12/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2021 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

*** Bị hại:** Ông Trương Văn T - Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn K, xã CN, huyện CT, TH. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số NH1 271, tổ 2, khu 9, PH2 BÐ, thị xã BS, tỉnh TH. Vắng mặt

*** Người làm chứng:** Bà Trương Thị H1, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn PP, xã TM, huyện TT, tỉnh TH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/11/2021, Trương Thị D (SN 2001, trú tại thôn PP, xã TM) đang ở nhà H1 bà Trương Thị H2 (SN 1984, trú cùng thôn là cô ruột của D). Lúc này, tại nhà H1 bà H2 còn có bà Trương Thị H1 (là hàng xóm của bà H2), ông Trương Văn T (SN 1970, trú tại Đội 6, thôn K, xã CN, huyện CT) cũng đang ngồi uống nước tại đây. D có hỏi mượn xe của bà H1 thì bà H1 có nói với D “*lấy xe bác T mà đi*”. Thấy vậy, ông T đưa chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 36L1-119.05 cho D và nói “*đi nhanh cho bác về*” thì D có nói lại với ông T là “*cháu mượn xe đi rút tiền 15 phút rồi về trả luôn*”. Sau khi mượn được xe, trên đường đi từ nhà bà H2 đến gần trường cấp 2 xã TM, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên nên D điều khiển xe đi xuống thị xã BS nhằm tìm cửa hàng bán chiếc xe lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, khi đến thị xã BS thì đã khuya, D không tìm được địa điểm bán xe nên đã xin ngủ nhờ nhà một người quen. Thấy D không đem xe về trả cho ông T, bà H1 có gọi điện, nhắn tin cho D đem xe về trả cho ông T nhưng D nhiều lần nhắn tin nói dối, hứa hẹn trả xe nhưng không thực hiện và tắt máy nhằm tránh việc tìm kiếm của chủ xe và gia đình. Đến sáng ngày 01/12/2021, D điều khiển xe đi tìm cửa hàng mua bán xe để bán xe (quá trình di chuyển D có mở cốp xe và phát hiện trong xe có đăng ký xe và một số giấy tờ tùy thân của ông T), D đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Nguyễn Anh T (SN 1981, trú tại số nhà 271, tổ 2, khu 9 phường BÐ, thị xã BS) nói dối là xe của bố cần bán thì được anh T đồng ý mua xe với số tiền 8.000.000 đồng và cầm đăng ký xe. Số tiền này, D sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 02/12/2021 anh T bán chiếc xe này cho một người đàn ông không quen biết, không rõ địa chỉ cụ thể. Về phần ông T, sau khi liên lạc với D nhiều lần không được đến ngày 04/12/2021 ông T trình báo cơ quan chức năng. Đến ngày 09/12/2021, nhận thức hành vi phạm tội của mình không thể trốn tránh được, Trương Thị D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36L1-119.05 là tài sản của ông Trương Văn T. Kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện TT xác định, chiếc xe tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 8.500.000 đồng.

Đối với Nguyễn Anh T là người đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36L1-119.05 do D đem bán. Tuy nhiên, khi T mua xe có giấy tờ đầy đủ và D nói dối là xe của gia đình nên anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, không xem xét anh T về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Xác minh thu nhập, tài sản của bị cáo, xác định bị cáo không có tài sản, thu nhập.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, loại bàn phím bấm, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- 01 căn cước công dân mang tên Trương Văn T;

- 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Văn T;
- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe mô tô-xe máy mang tên Trương Văn T.

Quá trình điều tra, sau khi kiểm tra nhật ký điện thoại, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại cho Trương Thị D. Trả lại các giấy tờ gồm căn cước công dân, giấy phép lái xe và giấy chứng nhận bảo hiểm xe cho ông Trương Văn T là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36L1-119.05, do anh Nguyễn Văn T khai đã bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Trương Thị D cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho ông Trương Văn T số tiền 16.000.0000 đồng, ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSTT, ngày 17/01/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trương Thị D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt Trương Thị D từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 22/3/2022).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận số tiền bồi thường từ gia đình bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Về hình phạt tiền bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, loại bàn phím bấm, điện thoại cũ đã qua sử dụng;
- 01 căn cước công dân mang tên Trương Văn T;
- 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Văn T;
- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe mô tô-xe máy mang tên Trương Văn T. Xét thấy các vật chứng đều không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo và bị hại là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36L1-119.05, do T khai đã bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả, sẽ xử lý sau khi tìm thấy là phù hợp

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã hành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, cần tiền để tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 20 giờ ngày 30/11/2021, sau khi mượn được xe của ông Trương Văn T, Trương Thị D đã không thực hiện như đã hứa là trả xe cho ông T mà nảy sinh ý định gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông T trị giá 8.500.000 đồng. Hình vi của bị cáo đã đủ cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Đây là vụ án là ít nghiêm trọng do Trương Thị D thực hiện. Hành vi phạm tội này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 06 (Sáu) tình tiết giảm nhẹ là “Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả” “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Đầu thú”; “Người bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Từ những tình tiết trên hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trương Thị D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ

ràng. Do đó không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5]. Kết quả điều tra, xác minh các bị cáo Trương Thị D hiện tại không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với Nguyễn Anh T là người đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36L1-119.05 do D đem bán. Tuy nhiên, khi T mua xe có giấy tờ đầy đủ và D nói dối là xe của gia đình nên T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với T là phù hợp.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, loại bàn phím bấm, điện thoại cũ đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của Trương Thị D, vì vậy cơ quan CSĐT trả lại cho D là phù hợp.

- 01 căn cước công dân mang tên Trương Văn T;

- 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Văn T;

- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe mô tô-xe máy mang tên Trương Văn T là giấy tờ hợp pháp của bị hại Trương Văn T nên cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

[9]. - Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36L1-119.05, do T khai đã bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả. Do đó, cần chờ kết quả điều tra để xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trương Thị D 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 22/3/2022).

Giao bị cáo Trương Thị D cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TT, tỉnh TH giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách mà bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo điều 92 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về án phí: Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo Trương Thị D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh TH;
- Công an huyện TT;
- Đội THAHS công an TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn

